

**TOÀ ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN TAM NÔNG
TỈNH PHÚ THỌ**

CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Bản án số: 06 /2020/HNGĐ-ST
Ngày 14 tháng 5 năm 2020
V/v Hôn nhân và gia đình

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TOÀ ÁN NHÂN DÂN HUYỆN TAM NÔNG - TỈNH PHÚ THỌ

Với thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa : Bà Đinh Thị Thu Huyền

Các hội thẩm nhân dân : 1, Ông Phan Duy Hưng
2, Bà Hà Thị Thu Hòa

Thư ký Tòa án ghi biên bản phiên tòa: Bà Hoàng Thị Thúy Minh - cán bộ Tòa án nhân dân huyện Tam Nông, tỉnh Phú Thọ.

Đại diện Viện kiểm sát huyện Tam Nông, tỉnh Phú Thọ tham gia phiên tòa: Ông Vũ Anh Hoàng - Kiểm sát viên.

Trong ngày 14 tháng 5 năm 2020 tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Tam Nông, tỉnh Phú Thọ xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số 187/2019/ TLST - HNGĐ ngày 10 tháng 12 năm 2019 về việc: “Hôn nhân và gia đình” theo quyết định đưa vụ án ra xét xử số 187/2020/QĐST-HNGĐ ngày 01 tháng 4 năm 2020 và Thông báo mở phiên tòa số 187/2020/TB - TA ngày 29/4/2020 giữa các đương sự:

- **Nguyên đơn:** chị Nguyễn Thúy K, sinh năm 1997.

Nơi ĐKKHKT: khu 5, xã T, huyện T, tỉnh Phú Thọ.

Chỗ ở hiện nay: khu T, phường M, TP V, Phú Thọ(có mặt)

- **Bị đơn:** anh Nguyễn Văn Toàn, sinh năm 1987

Nơi ĐKKHKT: khu 5, xã T, huyện T, tỉnh Phú Thọ. (vắng mặt)

NỘI DUNG VỤ ÁN:

1, Trong đơn khởi kiện ngày 05/12/2019 và các lời khai tại Tòa án, nguyên đơn chị Nguyễn Thúy K trình bày:

Chị kết hôn với anh Nguyễn Văn T ngày 27/6/2017 có đăng ký kết hôn tại UBND xã T, huyện T, tỉnh Phú Thọ. Trước khi kết hôn được tự nguyện tìm hiểu, sau khi kết hôn vợ chồng ở chung cùng với bố mẹ chồng, cuộc sống vợ chồng hạnh phúc được khoảng 02 tháng thì phát sinh mâu thuẫn, nguyên nhân là do vợ chồng không hợp nhau, anh T không lo làm ăn chỉ mãi chơi bời nên vợ chồng thường xuyên xảy ra cãi vã, đã có lần xô xát với nhau, chị không chịu đựng được nên đã bỏ về nhà mẹ đẻ từ cuối năm 2017, vợ chồng ly thân từ đó đến nay không ai quan tâm đến ai. Nay chị K xét thấy tình cảm vợ chồng không còn nên chị xin được ly hôn anh Toàn.

Về con chung: Chị K xác nhận chị và anh T có 01 con chung là Nguyễn Phương T, sinh ngày 06/ 01/2018 do chị nuôi dưỡng và ở với chị từ nhỏ đến nay. Khi ly hôn

chị K đề nghị Tòa án giải quyết cho chị được quyền trực tiếp chăm sóc, giáo dục, nuôi dưỡng con chung, chị không yêu cầu anh Toàn cấp dưỡng tiền nuôi con chung.

Về tài sản chung, tài sản riêng: Chị K xác nhận vợ chồng không có tài sản chung, tài sản riêng nên không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Về nợ, cho vay, đất nông nghiệp: Chị K xác nhận vợ chồng không có nên không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Về công sức: chị K xác định không có nên không yêu cầu Tòa án giải quyết.

2, Bị đơn anh Nguyễn Văn T trình bày: anh nhất trí việc chị K trình bày về quan hệ hôn nhân. Anh xác nhận trước khi kết hôn anh chị được tự nguyện tìm hiểu, sau khi kết hôn vợ chồng hạnh phúc đến cuối năm 2017 thì phát sinh mâu thuẫn, nguyên nhân là do vợ chồng không có tiếng nói chung nên đã ly thân từ đó đến nay. Nay chị K xin ly hôn, anh không đồng ý ly hôn vì bố mẹ anh không đồng ý cho vợ chồng ly hôn.

Về con chung: Anh T xác nhận chị K và anh có 01 con chung là Nguyễn Phương T, sinh ngày 06/ 01/2018 hiện nay đang ở cùng chị K, nếu ly hôn thì anh nhất trí giao cháu T cho chị K được trực tiếp chăm sóc, giáo dục, nuôi dưỡng.

Về tài sản chung, tài sản riêng: Anh T xác nhận vợ chồng không có tài sản chung, tài sản riêng nên không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Về nợ, cho vay, đất nông nghiệp: Anh T xác nhận vợ chồng không có nên không yêu cầu Tòa án giải quyết.

3, Qua xác minh tại ủy ban nhân dân xã T ngày 20/3/2020 thấy rằng chị K, anh T đều có hộ khẩu thường trú tại khu 5, xã T, huyện T, tỉnh Phú Thọ. Anh chị có đăng ký kết hôn ngày 27/6/2017 tại UBND xã T. Sau khi kết hôn anh chị chung sống với bố mẹ anh T được một thời gian thì phát sinh mâu thuẫn liên tục, nguyên nhân mâu thuẫn chủ yếu là do anh chị mâu thuẫn với nhau, xã và khu cũng đã hòa giải nhiều lần nhưng không được, mâu thuẫn vợ chồng ngày càng trầm trọng, anh chị đã ly thân 02 năm nay không ai quan tâm tới ai, nếu anh chị có quay về chung sống cùng nhau thì cuộc sống vợ chồng cũng không đảm bảo được nên đề nghị Tòa án xem xét giải quyết theo nguyện vọng của chị K để chị K yên tâm nuôi con vì từ khi chị K sinh con đến giờ cũng chỉ một mình chị K nuôi con.

Tại phiên tòa kiểm sát viên phát biểu ý kiến về việc tuân theo pháp luật trong quá trình giải quyết vụ án của Thẩm phán, HĐXX và việc chấp hành pháp luật của người tham gia tố tụng dân sự, từ khi thụ lý vụ án cho đến trước thời điểm HĐXX nghị án đều thực hiện đúng theo quy định pháp luật không có vi phạm gì và phát biểu ý kiến về quan điểm giải quyết vụ án. Đề nghị HĐXX áp dụng khoản 1 điều 51, khoản 1 điều 56, điều 81, 82, 83 Luật hôn nhân và gia đình; khoản 4 điều 147 Bộ luật tố tụng dân sự; Luật phí và lệ phí 2015; Điểm a, khoản 5 điều 27 nghị quyết 326/2016/ UBTVQH14, ngày 30/12/2016 về thu, nộp và sử dụng án phí, lệ phí tòa án. Xử cho chị Nguyễn Thúy K được ly hôn anh Nguyễn Văn T.

Về con chung: Giao con chung chưa thành niên là Nguyễn Phương T, sinh ngày 06/ 01/2018 cho chị K được trực tiếp trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục. Anh T không phải cấp dưỡng tiền nuôi con chung vì chị K tự nguyện không yêu cầu. Anh T được quyền đi lại thăm nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con chung, không ai được cản trở.

Về tài sản chung, công sức, nợ, cho vay không có nên không đặt ra yêu cầu giải quyết.

Về án phí ly hôn sơ thẩm: Chị Nguyễn Thúy K phải chịu 300.000đ (Ba trăm nghìn đồng).

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án do đương sự cung cấp và được thẩm tra công khai tại phiên tòa hôm nay, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về tố tụng: Tòa án đã gửi và niêm yết Quyết định đưa vụ án ra xét xử và thông báo mở phiên tòa nhưng anh Toàn đều vắng mặt. Căn cứ khoản 1, Điều 227 Bộ luật tố tụng dân sự, Tòa án nhân dân huyện Tam Nông tiến hành xét xử vắng mặt anh T.

[2] Về quan hệ hôn nhân: Cuộc hôn nhân giữa chị K và anh T là hoàn toàn hợp pháp, được UBND xã T, huyện T, tỉnh Phú Thọ cho đăng ký kết hôn ngày 27/6/2017. Xét tình cảm vợ chồng giữa chị K và anh T được tự nguyện tìm hiểu nhưng thực sự tình cảm vợ chồng giữa anh chị đã có vết rạn nứt, chị K cho rằng sau khi kết hôn vợ chồng ở chung cùng với bố mẹ chồng, cuộc sống vợ chồng hạnh phúc được khoảng 02 tháng thì phát sinh mâu thuẫn, nguyên nhân là do vợ chồng không hợp nhau, anh T không lo làm ăn chỉ mãi chơi bời nên vợ chồng thường xuyên xảy ra cãi vã, đã có lần xô xát với nhau, chị không chịu đựng được nên đã bỏ về nhà mẹ đẻ từ cuối năm 2017, vợ chồng ly thân từ đó đến nay không ai quan tâm đến ai. Nay chị K xét thấy tình cảm vợ chồng không còn nên chị xin được ly hôn anh Toàn. Phía anh T cho rằng sau khi kết hôn vợ chồng hạnh phúc đến cuối năm 2017 thì phát sinh mâu thuẫn, nguyên nhân là do vợ chồng không có tiếng nói chung nên đã ly thân từ đó đến nay. Nay chị K xin ly hôn, anh không đồng ý ly hôn vì bố mẹ anh không đồng ý cho vợ chồng ly hôn. Như vậy thể hiện việc anh T không muốn ly hôn là không thực tâm, khả năng đoàn tụ là khó, mục đích hôn nhân không đạt được. Nếu kéo dài chỉ gây nên đau khổ cho cả hai bên, anh chị chung sống không đem lại hạnh phúc và tình yêu thương không có. Ngày 20/3/2020 Tòa án nhân dân huyện Tam Nông đã tiến hành xác minh tại UBND xã T về quan hệ hôn nhân của chị K và anh T được đại diện chính quyền địa phương cung cấp sau khi kết hôn anh chị chung sống với bố mẹ anh T được một thời gian thì phát sinh mâu thuẫn liên tục, nguyên nhân mâu thuẫn chủ yếu là do anh chị mâu thuẫn với nhau, xã và khu cũng đã hòa giải nhiều lần nhưng không được, mâu thuẫn vợ chồng ngày càng trầm trọng, anh chị đã ly thân 02 năm nay không ai quan tâm tới ai, nếu anh chị có quay về chung sống cùng nhau thì cuộc sống vợ chồng cũng không đảm bảo được nên đề nghị Tòa án xem xét giải quyết theo nguyện vọng của chị K để chị K yên tâm nuôi con vì từ khi chị K sinh con đến giờ cũng chỉ một mình chị Kiều nuôi con. Vì vậy chị K xin ly hôn anh T cần xử cho chị K được ly hôn anh T là phù hợp với Điều 56 Luật hôn nhân và gia đình.

[3] Về con chung: Chị K và anh T xác nhận vợ chồng có 01 con chung là: Nguyễn Phương T, sinh ngày 06/ 01/2018 hiện nay đang ở cùng chị K. Khi ly hôn chị K xin được nuôi con chung và không yêu cầu anh T cấp dưỡng tiền nuôi con chung. Phía anh T trình bày nếu ly hôn thì anh nhất trí giao cháu T cho chị K được trực tiếp chăm sóc, giáo dục, nuôi dưỡng. Vì vậy, khi ly hôn cần giao cháu T cho chị K trực tiếp

chăm sóc, giáo dục, nuôi dưỡng và anh T không phải cấp dưỡng tiền nuôi con chung là phù hợp.

Về tài sản chung, tài sản riêng, về nợ, cho vay, đất nông nghiệp, công sức: Chị K, anh T xác nhận không có, không yêu cầu Tòa án giải quyết. Nên Hội đồng xét xử không xem xét.

[4] Về án phí ly hôn sơ thẩm: chị K phải chịu theo quy định pháp luật.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH

Căn cứ khoản 1 điều 51, khoản 1 điều 56, điều 81, 82, 83 Luật hôn nhân và gia đình; khoản 4 điều 147 Bộ luật tố tụng dân sự; Luật phí và lệ phí 2015; Điểm a, khoản 5 điều 27 nghị quyết 326/2016/UBTVQH14, ngày 30/12/2016 về thu, nộp và sử dụng án phí, lệ phí tòa án.

1, Xử: cho chị Nguyễn Thúy K được ly hôn anh Nguyễn Văn T.

2, Về con chung: Giao con chung chưa thành niên là Nguyễn Phương T, sinh ngày 06/ 01/2018 cho chị K được trực tiếp trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục. Anh T không phải cấp dưỡng tiền nuôi con chung vì chị K tự nguyện không yêu cầu. Anh T được quyền đi lại thăm nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con chung, không ai được cản trở.

3, Về án phí ly hôn sơ thẩm : Chị Nguyễn Thúy K phải chịu 300.000đ (Ba trăm nghìn đồng). Xác nhận chị K đã nộp 300.000 đồng tiền tạm ứng án phí theo biên lai số AA/2019/0002519 ngày 10/12/2019 tại Chi cục thi hành án dân sự huyện Tam Nông, tỉnh Phú Thọ.

Bản án này được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thoả thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a và 9 Luật thi hành án dân sự; Thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Báo cho đương sự (có mặt) tại phiên tòa biết có quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án sơ thẩm. Bị đơn (vắng mặt) có quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày nhận bản án hoặc được niêm yết bản án để đề nghị Tòa án nhân dân tỉnh Phú Thọ xét xử theo trình tự phúc thẩm./.

Nơi nhân:

- VKSND huyện
- Chi cục THADS huyện
- Các đương sự
- UBND xã Tề Lễ.
- Lưu HS - VP

T/M HỘI ĐỒNG XÉT XỬ
Thẩm phán- Chủ tọa phiên tòa

Đinh Thị Thu Huyền